

Bản án: 08/2017/ HSST

Ngày: 20/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Chuyên

Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 07/2017/HSST ngày 24/5/2017 đối với bị cáo:

Trương Doãn Q - sinh năm 1992; trú tại: Thôn 1, xã D, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Trương Doãn T và bà Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Cháu Trần Thị T - sinh năm: 2000 (đã chết)

Trú tại: Xóm 6, xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại theo ủy quyền:

Ông Trần Văn T - sinh năm: 1947 (là ông nội của người bị hại) có mặt.

Trú tại: Xóm 6, xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bà Nguyễn Thị H - sinh năm: 1962 (đã chết)

Trú tại: SN 05/20 đường H, phường C, thành phố Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Văn N - sinh năm: 1964 (là chồng của người bị hại) vắng mặt.

Trú tại: SN 05/20 đường H, phường C, thành phố Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trương Doãn Q bị Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 21h10' ngày 27/01/2017 tại Km 23+700, Quốc lộ 47 thuộc địa phận L, thị trấn T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa, Trương Doãn Q điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36B3 - 568.77 phía sau chở Trần Thị T đi theo hướng thành phố Thanh Hóa đi S, do không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ nên khi vượt xe phía trước cùng chiều đã đâm vào xe đạp do bà Nguyễn Thị H đi cùng chiều phía trước. Hậu quả: cháu Trần Thị T và bà Nguyễn Thị H chết còn Trương Doãn Q bị thương.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Tại hiện trường nơi xảy ra tai nạn, Lấy cột mốc H7/23 làm mốc, chọn mép bên đường phải theo chiều thành phố Thanh Hóa đi huyện S làm chuẩn, mọi số đo được lấy vào mép đường bên phải theo chiều đã chọn để lại tại hiện trường:

Vết cà (1) có đặc điểm màu trắng xám cà trên mặt đường nhựa, vết có kích thước 33m80 x 0,5cm, vết có chiều từ thành phố Thanh Hóa đi huyện S chệch từ trái qua phải. Đầu vết cà 1 cách mép đường phải là 1m10, cách mốc H7/23 là 23m40. Cách vết máu 1 là 7m60, cách vết cà 2 là 2m. Cuối vết cà 1 cách mép đường phải là 0cm, trùng với bàn đạp để chân phía trước bên phải xe mô tô.

Vết cà (2) có đặc điểm màu trắng xám, cà trên mặt đường nhựa. Vết có kích thước 32m80x0,5. Vết có chiều thành phố Thanh Hóa đi S hơi chệch từ phải sang trái. Đầu vết cà 2 vào mép đường phải là 90cm. Cuối vết cà 2 trùng với đầu nút tay nắm bên phải xe mô tô và cách mép đường bên phải là 30cm.

Vết máu 1 có đặc điểm màu đỏ sẫm đen đã khô trên mặt đường nhựa. Vết có kích thước 27m x 10cm, vết có chiều từ thành phố Thanh Hóa đi huyện S chệch từ phải sang trái. Đầu vết máu cách mép đường phải là 3m20, cuối vết máu trùng với đầu nạn nhân cách mép đường phải là 5m.

Vết máu 2 có đặc điểm màu đỏ tươi loang trên mặt đường nhựa. Vết không rõ hình, vết có kích thước 2mx20cm. Tâm vết máu vào mép đường bên phải là 3m50, đến trục sau mô tô là 3m80, đến trục trước xe mô tô là 3m40.

Nạn nhân chết nằm úp xuống mặt đường, đầu hướng về thành phố Thanh Hóa chân hướng về huyện S. Nạn nhân chết nằm ngang trên xe đạp, từ đầu nạn nhân đến mép đường bên phải là 5m, chân nạn nhân điểm gần nhất đến mép đường bên phải là 5m.

Xe đạp đổ nghiêng phải, xe nằm ngang mặt đường, nạn nhân chết nằm đè lên xe đạp, đầu trục xe đạp đến mép đường phải là 5m30, trục bánh xe đạp phía sau đến mép đường phải là 4m40. Đầu xe đạp hướng về phía bên trái đường, đuôi xe đạp hướng về phía bên phải đường theo chiều đã chọn.

Qua giám định phương tiện xác định như sau:

- Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện là mặt và má trái lốp trước tương ứng với hàng số “70/90 - 17” với mặt ngoài bên phải đĩa định vị phía sau chắn bùn sau, mặt sau ngoài thanh đứng bên phải gác ba ga xe đạp.

- Tại thời điểm xảy ra va chạm xe mô tô biển kiểm soát 36B - 56877 và xe đạp chuyển động cùng chiều; xe mô tô biển kiểm soát 36B - 56877 ở phía sau bên phải có vận tốc lớn hơn xe đạp.

- Vị trí va chạm giữa hai phương tiện thuộc phần đường bên phải theo hướng thành phố Thanh Hóa đi huyện S.

Sau khi tai nạn xảy ra, ngày 03/3/2017 Trương Doãn Q đã tự nguyện bồi thường cho gia đình nạn nhân Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng); Ngày 09/3/2017 gia đình nạn nhân Trần Thị T số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và đến ngày 05/7/2017 hỗ trợ thêm cho gia đình nạn nhân Trần Thị T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) về dân sự, gia đình các nạn nhân không có yêu cầu gì khác và có đơn đề nghị miễn phần trách nhiệm hình sự cho Trương Doãn Q.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT - VKS - TA ngày 22/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S cũng như nội dung bản luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trương Doãn Q về tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 202 của BLHS. Mức hình phạt mà đại diện VKS đề nghị áp dụng đối với bị cáo 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo không có ý kiến gì, thừa nhận VKS truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, lời nói sau cùng chỉ đề nghị HĐXX xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ TNHS để cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa bị cáo Trương Doãn Q thừa nhận vào khoảng 21h10' tại Km23+700, Quốc lộ 47 thuộc địa phận L, thị trấn T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36B3 - 568.77 phía sau chở Trần Thị T, do không chú ý quan sát, khi vượt xe không làm chủ tốc độ đã đâm vào xe đạp do bà Nguyễn Thị H đi cùng chiều. Hậu quả cháu Trần Thị T và bà Nguyễn Thị H chết, còn Trương Doãn Q bị thương. Người đại diện hợp pháp cho bị hại Trần Thị T đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. Quá trình tranh luận tại phiên tòa đại diện VKS đưa ra các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo, phù hợp với lời nhận tội của bị cáo và tình tiết khách quan của vụ án cần được chấp nhận. Hội đồng xét xử kết luận: Hành vi nêu trên của Trương Doãn Q phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Vì bị cáo gây hậu quả rất nghiêm trọng làm chết 2

người nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 202 của BLHS.

Tình trạng do vi phạm an toàn giao thông vẫn chưa thuyên giảm, nhất là giao thông đường bộ, nguyên nhân là do những người tham gia giao thông chưa nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về an toàn giao thông. Trong vụ án này Trương Doãn Q là bị cáo có giấy phép lái xe hợp lệ, nhưng vì bị cáo do không chú ý quan sát, khi vượt xe do không làm chủ tốc độ dẫn đến gây tai nạn làm cháu Trần Thị T và bà Nguyễn Thị H bị chết là vi phạm khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Luật Giao thông đường bộ. Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến an toàn giao thông nói chung mà còn xâm phạm đến tính mạng, tài sản của người khác nói riêng, cần phải xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và hạn chế được hậu quả khác có thể xảy ra.

Trương Doãn Q là đối tượng chưa có tiền án, tiền sự, trong vụ án này bản thân bị cáo chưa có sai phạm, sau khi xảy ra tai nạn bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình; người đại diện hợp pháp cho các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS. Vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thì việc cách ly khỏi xã H đối với bị cáo là không cần thiết mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 60 của BLHS để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà nghiêm túc cải sửa để chấp hành một cách tốt hơn.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong cho gia đình cháu T số tiền 80.000.000đ và gia đình bà Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000đ, nay không yêu cầu gì cần được công nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST theo quy định tại khoản 2 Điều 99 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và điểm 1 Mục I phần A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trương Doãn Q phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 của BLHS; khoản 2 Điều 99 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều

23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và điểm 1 Mục I phần A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Trương Doãn Q 36 (ba sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trương Doãn Q cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện S, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận bị cáo và những người đại diện hợp pháp cho các bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong.

Về án phí : Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo và người đại diện hợp pháp cho người bị hại Trần Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp cho người bị hại Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; NDDHP cho các bị hại;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Thị Lan Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

H thẩm nhân dân

Chủ tọa

Nguyễn Thị Loan

Nguyễn Thị Thương

Nguyễn Thị Lan Anh